

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 25/6/2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Văn Phong.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Thị Mai Hương.

Ông Phạm Phước Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2019/QĐST-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Ấp 5, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

* Anh Nguyễn Văn T ủy quyền cho anh Vũ Tuấn A, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số A, đường B, phường C, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2019.

Bị đơn: **Huỳnh Văn C**, sinh năm 1965;

Trương Thúy N, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh C và chị N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn anh Vũ Tuấn A trình bày tại phiên tòa:

Trước đây do là hàng xóm quen biết với nhau, nên anh Nguyễn Văn T có cho vợ chồng anh Huỳnh Văn C, chị Trương Thúy N vay tiền nhiều lần, anh T không nhớ bao nhiêu lần, mỗi lần bao nhiêu tiền, anh T chỉ nhớ tổng cộng là 190.000.000 đồng, tất cả những lần vay nói trên đều có làm biên nhận. Đến ngày 23/02/2018, anh Nguyễn Văn T và vợ chồng anh Huỳnh Văn C, chị Trương Thúy N thống nhất đến Văn phòng công chứng T để làm hợp đồng mượn tiền mới với số tiền 190.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày hợp đồng mượn tiền và hủy tất cả các biên nhận vay tiền trước đó.

Hết thời hạn trả tiền như đã thỏa thuận, vợ chồng anh C, chị N trả được cho anh T số tiền là 50.000.000 đồng, còn nợ lại 140.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Vũ Tuấn A đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu anh Huỳnh Văn C và chị Trương Thúy N có nghĩa vụ liên đới trả cho anh T số tiền vay còn nợ là 140.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 24/8/2018 (ngày đến hạn trả nợ mà anh C, chị N không thực hiện việc trả nợ) cho đến ngày 25/6/2019 với mức lãi suất 0,83%/tháng là 11.620.000 đồng, tổng cộng là 151.620.000 đồng.

Bị đơn chị Trương Thúy N trình bày tại tờ tường trình ngày 20/5/2019:

Chị Trương Thúy N thừa nhận ngày 01/8/2017 chị và anh C có vay của anh Nguyễn Văn T 130.000.000 đồng, mục đích vay để anh C làm ăn, mở quán ăn tại gia đình, hẹn 12 tháng sẽ trả. Nhưng sau đó, anh T tính lãi suất và cộng tiền lãi vào tiền vốn thành 190.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc anh T tính tiền lãi sau đó cộng vào tiền vốn như đã nói trên thì chị N không có chứng cứ gì chứng minh, cũng không có ai làm chứng.

Sau đó đến ngày 23/02/2018, hai bên anh T và vợ chồng anh C, chị N thống nhất vợ chồng anh C, chị N còn nợ anh T số tiền là 190.000.000 đồng và đồng ý xác lập hợp đồng vay mới, anh T và vợ chồng anh C, chị N đến Văn phòng công chứng T làm hợp đồng mượn tiền, với số tiền là 190.000.000 đồng. Chị N xác định vợ chồng chị đã nhận tiền của anh T trước, sau đó mới làm hợp đồng mượn tiền. Sau khi làm hợp đồng mượn tiền, chị N và anh C đã trả được cho anh T số tiền là 50.000.000 đồng, còn nợ lại anh T số tiền là 140.000.000 đồng.

Nay chị N đồng ý cùng có nghĩa vụ liên đới với anh C trả cho anh T số tiền 140.000.000 đồng với hình thức trả 2.000.000 đồng/tháng, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau: Hợp đồng mượn tiền ngày 23/02/2018 (bản chính).

Các tình tiết không phải chứng minh: Bị đơn chị Trương Thúy N thừa nhận vợ chồng chị có vay của anh Nguyễn Văn T số tiền 190.000.000 đồng, có

làm hợp đồng mượn tiền ngày 23/02/2018 tại Văn phòng công chứng T. Sau khi vay tiền vợ chồng chị đã trả được 50.000.000đồng, còn nợ lại anh T số tiền là 140.000.000 đồng. Bị đơn anh Huỳnh Văn C đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh C vẫn không có ý kiến nộp cho Tòa án đồng thời anh C cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và các tình tiết, tài liệu mà nguyên đơn cung cấp.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Ngoài ra, bị đơn anh Huỳnh Văn C và chị Trương Thúy N hiện đang cư trú tại ấp A, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Huỳnh Văn C và chị Trương Thúy N mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C, chị N theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự còn lại.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu anh Huỳnh Văn C và chị Trương Thúy N có nghĩa vụ liên đới trả cho anh T số tiền vay còn nợ là 140.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 24/8/2018 cho đến ngày 25/6/2019 với mức lãi suất 0,83%/tháng là 11.620.000 đồng, tổng cộng là 151.620.000 đồng. Anh T chứng minh bằng: Hợp đồng mượn tiền ngày 23/02/2018 (bản chính).

Theo đó, do có mối quan hệ là hàng xóm với nhau. Anh T có cho vợ chồng anh C, chị N vay tiền nhiều lần, tổng cộng là 190.000.000 đồng, tất cả những lần vay đều có làm biên nhận. Đến ngày 23/02/2018, anh T và vợ chồng anh C, chị N thống nhất số nợ anh C, chị N còn thiếu anh T và cùng đến Văn phòng công chứng T để làm hợp đồng mượn tiền mới với số tiền 190.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày hợp đồng mượn tiền và hủy tất cả các biên nhận vay tiền trước đó. Việc này được phía bị đơn là chị N thừa nhận tại tờ tường trình ngày 20/5/2019. Nhưng khi đến hạn anh C, chị N không thực hiện việc trả tiền, nên anh T đã khởi kiện anh C, chị N tại Tòa án.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt và bị đơn là anh Huỳnh

Văn C đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh C vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời anh C cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Như vậy, việc vợ chồng anh Huỳnh Văn C và chị Trương Thúy N có vay của anh Nguyễn Văn T số tiền 190.000.000 đồng như đã nói trên là có thật. Sau khi ký hợp đồng mượn tiền cho đến nay thì vợ chồng anh C, chị N đã trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại anh T số tiền là 140.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả được số tiền còn nợ cho anh T như đã thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của anh T là có căn cứ, nên chấp nhận. Bởi lẽ, căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”* và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*

[3] Về lãi suất: Đại diện nguyên đơn trình bày trước đây khi thỏa thuận cho vay thì các bên có thỏa thuận lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay, nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất vào hợp đồng. Nhưng khi đến hạn trả tiền vay (ngày 23/08/2018), vợ chồng anh Huỳnh Văn C, chị Trương Thúy N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền vay như đã thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T. Do đó, tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng anh Huỳnh Văn C và chị Trương Thúy N có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 0,83%/tháng tính từ ngày 24/8/2018 đến ngày 25/6/2019 là 11.620.000 đồng xét thấy phù hợp, nên chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Về án phí: Anh Huỳnh Văn C và chị Trương Thúy N có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Cụ thể, số tiền án phí được tính như sau: 151.620.000 đồng x 5% = 7.581.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T.

- Buộc anh Huỳnh Văn C và chị Trương Thúy N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền vay còn nợ là 140.000.000đồng, số tiền lãi là 11.620.000 đồng, tổng cộng là 151.620.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Anh Huỳnh Văn C và chị Trương Thúy N có trách nhiệm liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.581.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006450 ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng anh C, chị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Văn Phong